

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025.

THÔNG TIN

Công ty cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (tiền thân là Công ty cổ phần Thủy điện Sông Đà – Hoàng Liên), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 1203000045 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 09/03/2006. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; địa chỉ của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 22 ngày 09/09/2025 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật; số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần đổi thành mã số doanh nghiệp số 5300226455 tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 ngày 25/11/2011.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5300226455 thay đổi lần thứ 22 ngày 09/09/2025 là 207.460.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm linh bảy tỷ bốn trăm sáu mươi triệu đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn UPCOM với mã cổ phiếu SP2.

Trụ sở chính của Công ty tại thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, tỉnh Lào Cai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Xuân Hồng	Chủ tịch (<i>Bổ nhiệm lại từ ngày 24/04/2025</i>)
Ông Nguyễn Quang Luân	Thành viên (<i>Miễn nhiệm từ ngày 24/04/2025</i>)
Ông Phạm Sỹ Long	Thành viên (<i>Bổ nhiệm từ ngày 24/04/2025</i>)
Ông Nguyễn Phong Danh	Thành viên (<i>Bổ nhiệm lại từ ngày 24/04/2025</i>)
Ông Mai Đình Nhật	Thành viên (<i>Bổ nhiệm lại từ ngày 24/04/2025</i>)
Ông Trần Đức Thành	Thành viên (<i>Bổ nhiệm lại từ ngày 24/04/2025</i>)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Luân	Tổng Giám đốc (<i>Miễn nhiệm từ ngày 03/09/2025</i>)
Ông Phạm Sỹ Long	Tổng Giám đốc (<i>Bổ nhiệm từ ngày 03/09/2025</i>)
Ông Bùi Quang Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Qué Lâm	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Ngô Quang Tiến	Trưởng ban (<i>Miễn nhiệm từ ngày 24/04/2025</i>)
Ông Hoàng Công Huân	Trưởng ban (<i>Bổ nhiệm từ ngày 24/04/2025</i>)
Ông Phạm Văn Tuyền	Thành viên (<i>Miễn nhiệm từ ngày 24/04/2025</i>)
Ông Ngô Quang Tiến	Thành viên (<i>Bổ nhiệm từ ngày 24/04/2025</i>)
Bà Hà Thị Hải Yến	Thành viên (<i>Bổ nhiệm lại từ ngày 24/04/2025</i>)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – Chi nhánh Miền Bắc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và đảm bảo báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Sỹ Long

Tổng Giám đốc

Lào Cai, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Số: 03/2026/BCKT – CPAMB1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Thủy điện Sử Pán 2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty cổ phần Thủy điện Sử Pán 2, được lập ngày 24/03/2026 từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 – Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính: Tại thời điểm 31/12/2025, nợ ngắn hạn của Công ty đang vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 189.733.666.361 VND (tại ngày 01/01/2025 là 376.236.831.978 VND). Công ty đang chịu khoản lỗ lũy kế là 27.480.915.501 VND (tại ngày 01/01/2025 là 86.851.854.604 VND). Những điều kiện này đã chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề trên.



Trang

Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0445-2023-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM – CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Quỳnh Trang

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1469-2023-137-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		102.921.667.084	97.594.643.176
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	45.678.618.655	80.421.849.987
1. Tiền	111		23.178.618.655	23.248.340.290
2. Các khoản tương đương tiền	112		22.500.000.000	57.173.509.697
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		56.801.785.510	16.879.921.926
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	21.369.055.294	15.077.037.163
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	101.405.502	94.104.458
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	29.830.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	5.501.324.714	1.708.780.305
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	308.061.664	126.486.000
1. Hàng tồn kho	141		308.061.664	126.486.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		133.201.255	166.385.263
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	133.201.255	166.385.263
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		454.071.253.208	507.547.918.130
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		438.575.736.017	493.238.594.625
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	438.575.736.017	493.238.594.625
- Nguyên giá	222		1.159.781.964.907	1.159.781.964.907
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(721.206.228.890)	(666.543.370.282)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.5	1.250.000.000	1.250.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.000.000.000	4.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.750.000.000)	(2.750.000.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14.245.517.191	13.059.323.505
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	14.245.517.191	13.059.323.505
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		556.992.920.292	605.142.561.306

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		378.977.385.519	486.497.965.636
I. Nợ ngắn hạn	310		292.655.333.445	473.831.475.154
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	2.257.038.760	2.375.938.276
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	4.611.324.474	3.204.799.506
4. Phải trả người lao động	314		1.838.786.412	1.919.417.510
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	212.534.153.206	256.171.823.778
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.13.1	1.902.748.414	1.902.748.414
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	6.379.009.673	6.340.389.166
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	63.132.272.506	201.916.358.504
II. Nợ dài hạn	330		86.322.052.074	12.666.490.482
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.13.2	9.513.742.074	11.416.490.482
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	1.250.000.000	1.250.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	75.558.310.000	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		178.015.534.773	118.644.595.670
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	178.015.534.773	118.644.595.670
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		207.460.000.000	207.460.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		207.460.000.000	207.460.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(450.529.676)	(450.529.676)
3. Cổ phiếu quỹ	415		(1.513.020.050)	(1.513.020.050)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(27.480.915.501)	(86.851.854.604)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(86.851.854.604)	(140.819.880.425)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		59.370.939.103	53.968.025.821
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		556.992.920.292	605.142.561.306

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lào Cai, ngày 24 tháng 03 năm 2026

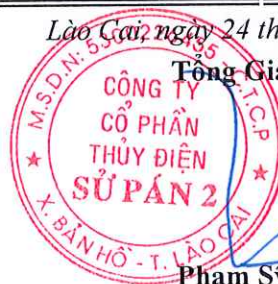
Tổng Giám đốc



Nguyễn Thọ Hoàng



Nguyễn Thọ Hoàng



Phạm Sỹ Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	174.415.257.169	178.427.247.618
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		174.415.257.169	178.427.247.618
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	92.467.624.026	93.068.301.132
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81.947.633.143	85.358.946.486
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.555.321.528	2.244.889.641
7. Chi phí tài chính	22	6.4	15.384.960.196	24.694.679.237
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.384.960.196	24.694.679.237
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	5.189.000.663	5.868.266.642
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		62.928.993.812	57.040.890.248
11. Thu nhập khác	31	6.6	-	305.503.400
12. Chi phí khác	32	6.6	102.172.610	66.172.173
13. Lợi nhuận khác	40		(102.172.610)	239.331.227
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		62.826.821.202	57.280.221.475
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	3.455.882.099	3.312.195.654
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		59.370.939.103	53.968.025.821
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	2.879	2.601
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		2.879	2.601

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lào Cai, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thọ Hoàng



Nguyễn Thọ Hoàng



Phạm Sỹ Long

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2
Thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, tỉnh Lào Cai

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	62.826.821.202	57.280.221.475
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	54.662.858.608	54.680.677.974
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.555.321.528)	(2.550.393.041)
- Chi phí lãi vay	06	15.384.960.196	24.694.679.237
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	131.319.318.478	134.105.185.645
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	979.688.928	34.537.125.208
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(181.575.664)	(41.214.000)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(12.372.384.061)	(17.074.404.188)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.153.009.678)	(4.439.467.830)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(59.032.435.949)	(63.031.999.998)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.630.826.404)	(3.406.908.334)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	56.928.775.650	80.648.316.503
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(2.765.062.593)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	837.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(49.830.000.000)	(27.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	20.000.000.000	72.870.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.383.769.016	2.179.307.844
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(28.446.230.984)	45.921.517.978
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(63.225.775.998)	(61.158.000.002)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(63.225.775.998)	(61.158.000.002)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(34.743.231.332)	65.411.834.479
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	80.421.849.987	15.010.015.508
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	45.678.618.655	80.421.849.987

Người lập biểu

Kế toán trưởng


Nguyễn Thọ Hoàng


Nguyễn Thọ Hoàng

Lào Cai, ngày 24 tháng 03 năm 2026


TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Sỹ Long

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (tiền thân là Công ty cổ phần Thủy điện Sông Đà – Hoàng Liên), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 1203000045 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 09/03/2006. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; địa chỉ trụ sở chính của Công ty sau thời điểm 01/07/2025 cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 22 ngày 09/09/2025 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật; số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần đổi thành mã số doanh nghiệp số 5300226455 tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 ngày 25/11/2011.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5300226455 thay đổi lần thứ 22 ngày 09/09/2025 là 207.460.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm linh bảy tỷ bốn trăm sáu mươi triệu đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn UPCOM với mã cổ phiếu SP2.

Trụ sở chính của Công ty tại thôn Hoàng Liên, xã Bản Hồ, tỉnh Lào Cai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 35 người; cán bộ quản lý là 04 người (Tại ngày 31/12/2024, tổng số cán bộ nhân viên là 34 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là bán điện thương phẩm.

Hoạt động của Công ty bao gồm:

- Sản xuất điện, truyền tải và phân phối điện (*Chi tiết: Phân phối điện*);
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (*Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động; Các loại cửa tự động; Hệ thống đèn chiếu sáng; Hệ thống hút bụi; Hệ thống âm thanh; Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí*); ...

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất điện.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Giả định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31/12/2025, các khoản nợ ngắn hạn đang vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 189.733.666.361 VND (tại ngày 01/01/2025 là 376.236.831.978 VND). Công ty đang chịu khoản lỗ lũy kế là 27.480.915.501 VND (tại ngày 01/01/2025 là 86.851.854.604 VND). Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng, Công ty hoàn toàn có khả năng tiếp tục hoạt động trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục là phù hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá gốc của hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Tài sản</i>	<i>Thời gian khấu hao</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc thiết bị	05 - 18 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 18 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

Nguyên tắc kế toán Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 24 tháng đến 84 tháng.

Các chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí bảo hiểm, phí kiểm định thiết bị, chi phí thi công sửa chữa tài sản cố định; chi phí lập hồ sơ cấp giấy phép môi trường, gia hạn giấy phép khai thác mặt nước và chi phí phần mềm, tên miền và chữ ký số. Chi phí thi công sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí với thời gian phân bổ từ 24 đến 36 tháng; chi phí phần mềm, tên miền và chữ ký số được phân bổ vào chi phí với thời gian phân bổ từ 12 đến 54 tháng; chi phí lập hồ sơ cấp giấy phép môi trường, gia hạn giấy phép khai thác mặt nước được phân bổ trong thời gian 120 tháng và các chi phí còn lại được phân bổ với thời gian từ 24 đến 60 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí phải trả cuối kỳ là các khoản lãi vay, chi phí quyết toán dự án thủy điện và các khoản chi phí khác phải trả.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành bổ sung. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu của Công ty đã phát hành và được Công ty mua lại theo giá thực tế mua, bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin. Số tiền thu do tái phát hành hoặc bán cổ phiếu quỹ sau khi trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tái phát hành hay bán cổ phiếu quỹ được tính vào phần vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và doanh thu khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán điện thương phẩm và cho thuê đường dây.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu cung cấp điện được ghi nhận dựa trên “Biên bản xác nhận chỉ số công tơ; sản lượng điện năng và giá bán điện được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt” hàng tháng với Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của hàng hóa đã bán, dịch vụ đã cung cấp trong kỳ. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Theo quy định tại khoản 4, điều 20 Thông tư số 78/2014/TT – BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính, Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- + Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm đối thu nhập của các doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc các lĩnh vực nhà máy điện;
- + Thời gian miễn thuế là 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới;

Năm 2012, Công ty có doanh thu của dự án nhưng chưa phát sinh thu nhập chịu thuế được hưởng ưu đãi. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025, Công ty đang được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp đối với thu nhập từ dự án đầu tư mới và năm 2025 là năm thứ 07 được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bán điện thương phẩm và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý chủ yếu là Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo chuẩn mực này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	105.157.031	459.908.506
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.073.461.624	22.788.431.784
Các khoản tương đương tiền (*)	22.500.000.000	57.173.509.697
Tổng	45.678.618.655	80.421.849.987

(*): Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại các ngân hàng thương mại, chi tiết như sau:

	31/12/2025
	VND
+ Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lào Cai (Lãi suất 1,6% - 2,1%/năm)	20.000.000.000
+ Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đại chúng - CN Hà Nội (Lãi suất 3,3%/năm)	2.500.000.000
Tổng	22.500.000.000

5.2 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Mua bán điện (*)	21.369.055.294	15.077.037.163
Tổng	21.369.055.294	15.077.037.163

(*): Quyền đòi nợ từ doanh thu bán điện của Dự án thủy điện Sử Pán 2 là tài sản thế chấp cho khoản vay của Công ty với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lào Cai (Chi tiết tại Thuyết minh số 5.15).

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty TNHH thiết bị Tân An Phát	-	16.524.000
Công ty TNHH MTV Kiến trúc An	51.000.000	51.000.000
Công ty CP Tư vấn đầu tư Á Châu	25.000.000	25.000.000
Tổng công ty cổ phần công trình Viettel	20.447.082	-
Các nhà cung cấp khác	4.958.420	1.580.458
Tổng	101.405.502	94.104.458

5.4 Phải thu về cho vay

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	29.830.000.000	-
Công ty CP Đầu tư năng lượng ITASCO (i)	15.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư thương mại và dịch vụ - Vinacomin (ii)	14.830.000.000	-
Dài hạn	-	-
Tổng	29.830.000.000	-

(i): Khoản cho vay của Công ty CP Đầu tư năng lượng ITASCO theo hợp đồng số 26.6/2025/HĐVV/SP2-ITASCO ngày 26/06/2025 với số tiền vay 15.000.000.000 đồng; thời hạn vay 11 tháng kể từ ngày giải ngân 26/06/2025. Mục đích cho vay để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Đầu tư năng lượng ITASCO. Khoản cho vay có tài sản đảm bảo là phần vốn góp có giá trị tương đương 30.000.000.000 đồng tại Công ty TNHH Năng Lượng An Việt Lai Châu do Công ty CP Đầu tư Năng lượng ITASCO sở hữu. Lãi suất cho vay là 7,5%/năm. Khoản cho vay này đã được Công ty thu hồi vào ngày 27/01/2026.

(ii): Khoản cho vay của Công ty cổ phần Đầu tư, Thương mại và dịch vụ - Vinacomin theo hợp đồng số 17.11/2025/HĐVV/SP2-VINACOMIN ngày 17/11/2025 với số tiền vay 34.830.000.000 đồng, thời hạn vay 11 tháng kể từ ngày giải ngân 17/12/2025. Mục đích cho vay để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư, Thương mại và dịch vụ - Vinacomin. Lãi suất cho vay là 7,5%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
- 5.5 Các khoản đầu tư tài chính
- a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tỷ lệ		31/12/2025 (VND)			01/01/2025 (VND)		
		Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Dự phòng	Giá gốc
Đầu tư vào công ty con				-	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết				4.000.000.000	(2.750.000.000)	4.000.000.000	(2.750.000.000)
Công ty CP Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên (ii)		40%	40%	4.000.000.000	(2.750.000.000)	4.000.000.000	(2.750.000.000)
Tổng				4.000.000.000	(2.750.000.000)	4.000.000.000	(2.750.000.000)

(i) Tại ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.

(ii) Công ty cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên đã có thông báo tạm dừng hoạt động nhưng chưa hoàn tất thủ tục đóng mã số thuế doanh nghiệp nên Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư nêu trên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.6 Các khoản phải thu khác

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	5.501.324.714	-	1.708.780.305	-
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	-	-
- Phải thu tạm ứng	4.583.460.502	-	962.468.605	-
- Phải thu khác	917.864.212	-	746.311.700	-
+ Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	8.120.548	-	85.174.740	-
+ Lãi dự thu từ các khoản cho vay	695.302.083	-	-	-
+ Phải thu Công ty CP công nghiệp Việt Long	28.344.765	-	182.117.150	-
+ Phải thu CN Công ty CP Xây dựng và thương mại 299 tại Lào Cai	186.096.816	-	479.019.810	-
Tổng	5.501.324.714	-	1.708.780.305	-

Trong đó:

Số dư các khoản phải thu khác với bên LQ

(Chi tiết tại thuyết minh số 7.1)

7.000.000

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	78.616.500	-	126.486.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	229.445.164	-	-	-
Tổng	308.061.664	-	126.486.000	-

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Ngắn hạn	133.201.255	166.385.263
- Chi phí bảo hiểm	132.322.467	161.535.260
- Công cụ dụng cụ phân bổ	-	4.850.003
- Chi phí trả trước khác	878.788	-
Dài hạn	14.245.517.191	13.059.323.505
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	7.668.308.723	5.908.434.772
- Công cụ dụng cụ phân bổ	5.618.040.374	6.223.609.702
- Chi phí kiểm định	276.331.847	555.018.251
- Chi phí lập hồ sơ cấp GP môi trường; gia hạn giấy phép khai thác mặt nước	611.959.879	237.191.358
- Chi phí trả trước dài hạn khác	70.876.368	135.069.422
Tổng	14.378.718.446	13.225.708.768

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.9 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2025	569.320.320.029	477.403.685.712	112.502.780.166	555.179.000	-	1.159.781.964.907
Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2025	569.320.320.029	477.403.685.712	112.502.780.166	555.179.000	-	1.159.781.964.907
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2025	296.948.508.717	300.223.797.402	68.835.885.178	535.178.985	-	666.543.370.282
Khấu hao trong năm	22.868.733.264	25.425.394.648	6.352.730.700	15.999.996	-	54.662.858.608
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2025	319.817.241.981	325.649.192.050	75.188.615.878	551.178.981	-	721.206.228.890
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2025	272.371.811.312	177.179.888.310	43.666.894.988	20.000.015	-	493.238.594.625
Tại ngày 31/12/2025	249.503.078.048	151.754.493.662	37.314.164.288	4.000.019	-	438.575.736.017

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng

Nguyên giá TSCĐ tạm thời không sử dụng:

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố cho vay:

2.267.579.329 đồng
- đồng
435.438.079.185 đồng



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH XNK Hoa Thắng	228.842.125	228.842.125	228.842.125	228.842.125
Công ty TNHH Tư vấn tài chính C& P	392.200.000	392.200.000	392.200.000	392.200.000
Công ty CP Đầu tư thương mại và dịch vụ - Vinacomin	619.934.361	619.934.361	230.228.281	230.228.281
Chi nhánh Sông Đà 8.02	488.323.471	488.323.471	488.323.471	488.323.471
Công ty TNHH MTV KSXD Điện 1	236.332.814	236.332.814	236.332.814	236.332.814
Công ty Điện lực Lào Cai - CN Tổng công ty Điện lực Miền Bắc	-	-	509.803.351	509.803.351
Các nhà cung cấp khác	291.405.989	291.405.989	290.208.234	290.208.234
Tổng	2.257.038.760	2.257.038.760	2.375.938.276	2.375.938.276

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
Phải nộp	3.204.799.506	39.346.239.944	37.939.714.976	4.611.324.474
Thuế giá trị gia tăng	562.997.512	12.765.591.139	12.399.920.777	928.667.874
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.130.826.404	3.455.882.099	2.630.826.404	1.955.882.099
Thuế thu nhập cá nhân	7.377.304	46.682.555	43.627.734	10.432.125
Thuế tài nguyên	544.054.106	16.037.315.295	15.980.718.793	600.650.608
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	959.544.180	7.040.768.856	6.884.621.268	1.115.691.768

5.12 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
Chi phí phải trả công trình thủy điện theo quyết toán	3.830.092.863		3.830.092.863	
Chi phí lãi vay phải trả (*)	208.606.153.162		252.253.628.915	
Chi phí phải trả khác	97.907.181		88.102.000	
Tổng	212.534.153.206	256.171.823.778		

(*): Theo văn bản sửa đổi hợp đồng tín dụng số 03/2012 ngày 28/12/2012; bên cho vay và Công ty thống nhất điều chỉnh ngày thanh toán lãi như sau:

Công ty sẽ thanh toán lãi chưa thanh toán cộng dồn: (i) Vào ngày thanh toán lãi của kỳ hạn tính lãi tiếp theo và hạn cuối vào ngày 27/09/2025; (ii) Vào ngày thanh toán trước (trên khoản tiền được thanh toán trước); (iii) Vào ngày đến hạn (kể cả việc rút ngắn thời hạn khoản vay theo cách khác và; (iv) Ngay khi có yêu cầu (sau ngày đến hạn).

Các khoản lãi vay cộng dồn giữa ngân hàng và Công ty không có thỏa thuận cụ thể về lịch trình trả lãi, chỉ đảm bảo hạn cuối thanh toán vào ngày 27/09/2025. Hiện tại Công ty đã thỏa thuận với ngân hàng về việc kiểm soát các dòng tiền thu vào từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để đảm bảo lịch trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo đúng các văn bản thỏa thuận đã ký kết giữa hai bên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.12 Chi phí phải trả ngắn hạn (Tiếp theo)

Theo văn bản sửa đổi bổ sung của Hợp đồng tín dụng số 01.01/2025/1107042/HĐTD ngày 30/07/2025, khoản vay của Công ty có thời hạn vay là 264 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (thời gian ân hạn là 48 tháng), thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 27/09/2029. Việc thanh toán lãi được thực hiện như sau: việc thanh toán lãi chưa thanh toán cộng dồn đến hết ngày 30/06/2025 được trả vào ngày thanh toán lãi của kỳ hạn tính lãi tiếp theo (ngày 27 của tháng cuối cùng của kỳ hạn tính lãi (3 tháng một lần) và hạn cuối vào ngày 27/09/2029 hoặc vào ngày đến hạn; đối với các khoản lãi phát sinh từ ngày 01/07/2025 sẽ được thanh toán 3 tháng một lần vào ngày thanh toán lãi (ngày 27 của tháng cuối cùng của kỳ hạn tính lãi (3 tháng một lần) hoặc vào ngày đến hạn.

5.13 Doanh thu chưa thực hiện

5.13.1 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Doanh thu nhận trước hoạt động cho thuê đường dây	1.902.748.414	1.902.748.414
Tổng	1.902.748.414	1.902.748.414

5.13.2 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Doanh thu nhận trước hoạt động cho thuê đường dây	9.513.742.074	11.416.490.482
Tổng	9.513.742.074	11.416.490.482

5.14 Phải trả khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	6.379.009.673	6.340.389.166
Kinh phí công đoàn	287.697.737	289.657.737
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Các khoản phải trả khác	6.091.311.936	6.050.731.429
+ Phải trả Tổng Công ty bảo hiểm BIDV (*)	5.500.000.000	5.500.000.000
+ Thuế GTGT đầu ra chưa xuất hóa đơn	577.362.570	546.402.067
+ Phải trả khác	13.949.366	4.329.362
Dài hạn	1.250.000.000	1.250.000.000
Vốn ủy thác của cán bộ CNV để đầu tư vào Công ty CP Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	1.250.000.000	1.250.000.000
Tổng	7.629.009.673	7.590.389.166

(*): Đây là khoản tạm ứng bồi thường thiệt hại của Tổng công ty bảo hiểm BIDV theo công văn số 2175/CV-GĐBT1 ngày 26/07/2011 để khắc phục tổn thất, giảm thiểu thiệt hại xảy ra ngày 25/12/2010 giữa Công ty Thủy điện Sapa và Công ty trong khi chờ các cơ quan chức năng xác định chính thức nguyên nhân.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	207.460.000.000	(450.529.676)	(1.513.020.050)	(140.819.880.425)	64.676.569.849
Tăng vốn điều lệ	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	53.968.025.821	53.968.025.821
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	207.460.000.000	(450.529.676)	(1.513.020.050)	(86.851.854.604)	118.644.595.670
Tăng vốn điều lệ	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	59.370.939.103	59.370.939.103
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	207.460.000.000	(450.529.676)	(1.513.020.050)	(27.480.915.501)	178.015.534.773

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Công ty TNHH Năng lượng REE	72.168.000.000	59.568.000.000
Công ty CP Năng lượng An Xuân	52.044.300.000	52.044.300.000
Công ty CP Đầu tư khu công nghiệp Việt Nam	33.885.500.000	33.885.500.000
Ông Mai Đình Nhật	8.514.500.000	21.114.500.000
Các cổ đông khác	40.847.700.000	40.847.700.000
Tổng	207.460.000.000	207.460.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	207.460.000.000	207.460.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	207.460.000.000	207.460.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.746.000	20.746.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.746.000	20.746.000
Cổ phiếu phổ thông	20.746.000	20.746.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	123.000	123.000
Cổ phiếu phổ thông	123.000	123.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.623.000	20.623.000
Cổ phiếu phổ thông	20.623.000	20.623.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cổ phiếu	

5.17 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ông Bùi Khắc Hoàng	825.000.000	825.000.000
Dự án Nậm Cùn	14.654.688.095	14.654.688.095
Công ty TNHH Phú Đức	875.036.951	875.036.951
Công ty CP xây dựng Đại Phúc	331.284.942	331.284.942
Công ty CP Thương mại và xây lắp 368	47.464.154	47.464.154
Xí nghiệp điện cao thế Miền Bắc	311.500.000	311.500.000
Công ty TNHH Luật TNHH VFI	270.500.000	270.500.000
Văn phòng luật sư (kiện SD 7)	50.000.000	50.000.000
Công ty Luật TNHH Vinabiz	15.000.000	15.000.000
Ông Trương Quang Thịnh	298.964.000	298.964.000
Tổng	17.679.438.142	17.679.438.142

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	172.512.508.761	176.524.499.204
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê đường dây	1.902.748.408	1.902.748.414
Doanh thu dịch vụ khác	-	-
Tổng	174.415.257.169	178.427.247.618

6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn bán điện thương phẩm	91.876.149.619	92.489.500.796
Giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê đường dây	591.474.407	578.800.336
Giá vốn dịch vụ khác	-	-
Tổng	92.467.624.026	93.068.301.132

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu, tiền cho vay	1.555.321.528	2.244.889.641
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	-
Tổng	1.555.321.528	2.244.889.641

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	15.384.960.196	24.694.679.237
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	-	-
Chi phí tài chính khác	-	-
Tổng	15.384.960.196	24.694.679.237

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

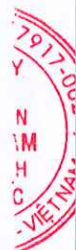
	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	2.940.100.618	3.542.242.316
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.227.272	9.880.334
Chi phí khấu hao TSCĐ	461.411.664	420.584.416
Thuế, phí và lệ phí	19.416.461	27.438.187
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.041.963.617	1.228.998.696
Chi phí khác bằng tiền	723.881.031	639.122.693
Tổng	5.189.000.663	5.868.266.642

6.6 Thu nhập khác và chi phí khác

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập khác	-	305.503.400
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và CCDC	-	305.503.400
- Các khoản khác	-	-
Chi phí khác	102.172.610	66.172.173
- Tiền phạt và truy thu thuế	82.819.860	65.902.173
- Các khoản khác	19.352.750	270.000
Thu nhập khác/Chi phí khác (thuần)	(102.172.610)	239.331.227

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	101.882.772	72.426.834
Chi phí nhân công	8.460.785.358	8.978.871.864
Chi phí khấu hao TSCĐ	54.662.858.608	54.680.677.974
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.218.377.273	33.742.495.911
Chi phí khác bằng tiền	1.442.165.842	1.462.095.191
Tổng	97.886.069.853	98.936.567.774



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	62.826.821.202	57.280.221.475
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán	440.917.611	358.360.372
Chi phí không được trừ	440.917.611	358.360.372
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Thu nhập không chịu thuế (do đã tính vào năm trước)	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước	63.267.738.813	57.638.581.847
Thu nhập tính thuế TNDN	63.267.738.813	57.638.581.847
Thu nhập chịu thuế của hoạt động được hưởng ưu đãi	61.317.771.095	54.770.138.149
Thu nhập chịu thuế của hoạt động không hưởng ưu đãi	1.949.967.718	2.868.443.734
Thuế suất thuế TNDN		
Thuế suất ưu đãi (hoạt động bán điện thương phẩm)	5%	5%
Thuế suất hoạt động kinh doanh thông thường	20%	20%
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) năm trước	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.455.882.099	3.312.195.654
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.455.882.099	3.312.195.654



6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	59.370.939.103	53.968.025.821
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	59.370.939.103	53.968.025.821
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	20.623.000	20.623.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.879	2.601

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	Công ty liên kết
Công ty TNHH Năng lượng REE	Cổ đông lớn
Công ty cổ phần năng lượng An Xuân	Cổ đông lớn
Công ty cổ phần Đầu tư khu công nghiệp Việt Nam	Cổ đông lớn
Ông Mai Đình Nhật	Cổ đông lớn/Thành viên HĐQT
Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân có mối quan hệ mật thiết trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

a. Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc của Công ty phát sinh trong năm, chi tiết như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tiền lương và phụ cấp	1.460.500.000	1.969.978.000
Cộng	1.460.500.000	1.969.978.000

Thù lao Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Ông Trần Đức Thành	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 15/03/2024)	-	205.040.000
Ông Nguyễn Xuân Hồng	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm lại ngày 24/04/2025)	446.480.000	483.691.428
Ông Nguyễn Phong Danh	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ông Mai Đình Nhật	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ông Phạm Sỹ Long	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 24/04/2025)	92.040.000	-
Ông Nguyễn Quang Luân	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 24/04/2025)	48.000.000	-
Ông Trần Đức Thành	Thành viên (bổ nhiệm từ ngày 24/04/2025)	48.000.000	-
Tổng		730.520.000	784.731.428

Tiền lương của Ban Giám đốc và những người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Ông Nguyễn Quang Luân	Tổng Giám đốc	-	129.360.000
Ông Bùi Quang Chung	Phó Tổng Giám đốc	232.000.000	284.000.000
Ông Bùi Quế Lâm	Phó Tổng Giám đốc	353.980.000	397.628.476
Bà Bùi Lan Hương	Kế toán trưởng (miễn nhiệm từ ngày 02/12/2024)	-	254.258.096
Tổng		585.980.000	1.065.246.572

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025

7. THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Tiền lương của Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Ngô Quang Tiến	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 24/04/2025)	40.000.000	48.000.000
Ông Hoàng Công Huân	Trưởng ban kiểm soát (bổ nhiệm từ ngày 24/04/2025)	32.000.000	-
Ông Phạm Văn Tuyên	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 24/04/2025)	36.000.000	36.000.000
Bà Hà Thị Hải Yến	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Tổng		144.000.000	120.000.000

b. Giao dịch với bên liên quan

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tạm ứng				
Ông Bùi Quang Chung	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	1.169.000	11.411.200
Ông Bùi Quang Chung	Phó Tổng Giám đốc	Hoàn ứng	8.169.000	9.412.200

c. Số dư với các bên liên quan

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khác		-	7.000.000
Ông Bùi Quang Chung	Phó Tổng Giám đốc	-	7.000.000

7.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ ngoài sự kiện nêu trên có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Miền Bắc.

Người lập biểu

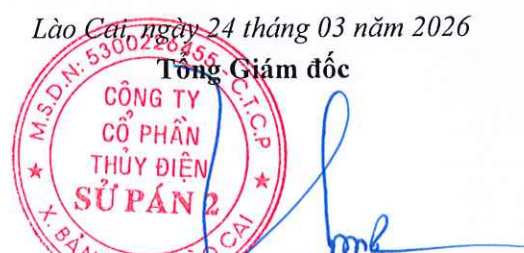
Kế toán trưởng

Lào Cai, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Tổng Giám đốc


Nguyễn Thọ Hoàng


Nguyễn Thọ Hoàng


Phạm Sỹ Long

